

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 2247/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 21 tháng 06 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch  
sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước  
(Bao gồm hoạt động khai thác mỏ đất QN05)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản số 1827/STNMT-CCBVMT ngày 08/6/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước.*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (Bao gồm hoạt động khai thác mỏ đất QN05) đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 458/BQL-KTTĐ ngày 13/6/2023 của Ban Quản lý dự án Nông Nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 708/TTr-STNMT ngày 20/6/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (Bao gồm hoạt động khai thác mỏ đất QN05) (sau đây gọi là Dự án) của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và

PTNT tỉnh Bình Định (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

**Điều 3.** Quyết định này thay thế Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án dự án Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (Bao gồm hoạt động khai thác đất tại mỏ QN05).

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./. 

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ dự án;
- UBND thành phố Quy Nhơn;
- UBND huyện Tuy Phước;
- UBND phường Bùi Thị Xuân;
- UBND xã Phước Thuận;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



  
**Nguyễn Tuấn Thanh**

**Phụ lục**  
**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN**  
**XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU TÁI ĐỊNH CƯ THUỘC KHU ĐÔ THỊ VÀ**  
**DU LỊCH SINH THÁI DIÊM VÂN, XÃ PHƯỚC THUẬN, HUYỆN TUY**  
**PHƯỚC (BAO GỒM HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC MỎ ĐẤT QN05)**  
(Kèm theo Quyết định số                      /QĐ-UBND ngày        /2023 của UBND tỉnh)

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Thông tin chung**

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (Bao gồm hoạt động khai thác mỏ đất QN05).

- Địa điểm thực hiện:

+ Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân tại xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

+ Khai thác đất tại mỏ QN05 thuộc khu vực 8, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

- Địa chỉ liên hệ: số 200 Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

**1.2. Phạm vi, quy mô**

a. Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

- Tổng diện tích: 148.000 m<sup>2</sup>.

- Quy mô dân số khoảng 2.076 người, gồm 519 lô đất ở.

- Cơ cấu sử dụng đất như sau:

| STT | Thành phần đất                 | Diện tích theo quy hoạch điều chỉnh, bổ sung (m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------------------------|----------------------------------------------------------------|-----------|
| 1   | Đất ở quy hoạch (519 lô)       | 55.566,6                                                       | 37,55     |
|     | Đất nhà ở tái định cư (514 lô) | 54.6140                                                        |           |
|     | Đất nhà ở biệt thự phố (5 lô)  | 952,6                                                          |           |
| 2   | Đất công trình công cộng       | 1.173                                                          | 0,79      |
|     | Đất trụ sở sinh hoạt           | 525                                                            |           |
|     | Đất trạm y tế                  | 648                                                            |           |
| 3   | Đất Trường học                 | 10.426,04                                                      | 7,04      |
|     | Trường Tiểu học                | 5.835,8                                                        |           |
|     | Trường Mầm non                 | 4.590,24                                                       |           |

|                  |                        |                |            |
|------------------|------------------------|----------------|------------|
| 4                | Đất Cây xanh           | 4.208,3        | 2,84       |
| 5                | Đất Giao thông và HTKT | 76.626,06      | 51,77      |
| <b>Tổng cộng</b> |                        | <b>148.000</b> | <b>100</b> |

b. Khai thác đất tại mỏ QN05:

- Diện tích mỏ 12,71 ha, diện tích đã khai thác 11,15 ha với công suất 423.743 m<sup>3</sup>; diện tích huy động vào khai thác còn lại có diện tích 1,56 ha với công suất 95.277 m<sup>3</sup> đất nguyên khai.

- Thời gian khai thác: thực hiện theo tiến độ thi công dự án thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân. Thời gian làm việc trong ngày: 8 giờ (từ 7h00 đến 11h30 và từ 13h30 đến 17h00 hàng ngày).

- Phương án khai thác: thực hiện khai thác đồng thời, tiếp tục khai thác từ phía Tây Bắc tại các khoảnh; khai thác theo lớp bằng từ trên xuống dưới, hết lớp này đến lớp khác; cos kết thúc khai thác khu I và khu II lần lượt là +80,5m, +79,5m. Sử dụng máy đào để khai thác và xe 7 tấn để vận chuyển đất đến công trình (xe vận chuyển và thiết bị khai thác phải thể hiện đầy đủ thông tin về tên doanh nghiệp, tên công trình thi công và tên mỏ khai thác).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1 Các hạng mục công trình của Dự án:

a. Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

- Xây dựng và đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật gồm: hệ thống đường giao thông; mái taluy; hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống thu gom và thoát nước mưa; hệ thống thu gom và thoát nước thải; hệ thống cây xanh; trạm xử lý nước thải có công suất 260 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

b. Khai thác đất tại mỏ QN05

Khai thác trường với diện tích 1,56 ha và các công trình phụ trợ.

1.3.2 Các hoạt động của Dự án

a. Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

- Hoạt động đào đắp, san nền mặt bằng, vận chuyển, tập kết nguyên vật liệu, xây dựng các hạng mục hạ tầng.

- Hoạt động của dân cư trong khu tái định cư và vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật của khu tái định cư.

b. Khai thác đất tại mỏ QN05

Hoạt động khai thác, vận chuyển vật liệu phục vụ thi công san nền Dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: không có.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động**

### **xấu đến môi trường**

a. Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

- Trong giai đoạn thi công phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị thi công; chất thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn hoạt động phát sinh chất thải rắn sinh hoạt, nước thải sinh hoạt, mùi hôi, bùn thải từ trạm xử lý nước thải.

b. Khai thác đất tại mỏ QN05:

Trong giai đoạn khai thác phát sinh bụi và khí thải, tiếng ồn, độ rung từ máy móc thiết bị khai thác và phương tiện vận chuyển.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án**

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,08 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>) và vi sinh.

+ Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2,0 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, đất, cát,...

+ Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

- Giai đoạn hoạt động: nước thải sinh hoạt của các hộ dân phát sinh với lưu lượng khoảng 257 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>) và vi sinh.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

- Nước thải sinh hoạt: khoảng 0,43 m<sup>3</sup>/ngày có hàm lượng ô nhiễm hữu cơ và vi sinh cao.

- Nước mưa chảy tràn: có lẫn bùn đất phát sinh khoảng 5.666 m<sup>3</sup>/ngày tại khu I và 22.663 m<sup>3</sup>/ngày tại khu II (tính cho lưu lượng ngày lớn nhất).

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO<sub>x</sub>, NO<sub>x</sub>, SO<sub>2</sub>, VOC,...

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

Bụi phát sinh từ quá trình khai thác và vận chuyển đất san lấp cho công trình.

### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

#### 3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

- Giai đoạn thi công, xây dựng

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 0,55 tấn. Thành phần chủ yếu là thực bì,...

+ Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 74 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

+ Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 20,55 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 1.422 kg/ngày, bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 46,59 kg/ngày.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

Chất thải rắn sinh hoạt (bao bì nhựa, vỏ hộp, thức ăn thừa,...) phát sinh khoảng 8,21 kg/ngày, có tỷ lệ chất hữu cơ cao, dễ phân hủy, gây mùi hôi và ruồi, nặng.

#### 3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 38 kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, các loại dầu mỡ thải, dầu động cơ, hộp số,...

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 8kg/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang; pin, ắc quy thải,...

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05: phát sinh trong quá trình khai thác, vận chuyển đất đến nơi san lấp.

### 3.4. Các tác động khác

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05: quá trình vận chuyển đất san lấp có khả năng gây hư hỏng tuyến đường đê Đông dẫn vào khu vực san lấp, gây nguy cơ mất an toàn giao thông tại điểm giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển từ mỏ đất ra Quốc lộ 1A và trên tuyến đường đê Đông.

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

#### 4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

- Giai đoạn thi công, xây dựng

+ Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động có dung tích 400 lít; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

+ Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

+ Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

- Giai đoạn hoạt động

+ Nước mưa chảy tràn: hệ thống thoát nước mưa của dự án được thiết kế theo phương án tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải của Dự án. Bố trí các tuyến cống bê tông cốt thép D600mm, D800mm, D1000mm, D1200mm ngang đường nội bộ và dọc đường nội bộ để thu gom

nước mưa toàn bộ khu vực dự án, thu gom theo hướng từ Tây sang Đông và từ Nam ra Bắc, sau đó dẫn thoát ra nhánh sông Trường Úc qua 02 cửa xả ở phía Đông Bắc.

Xây dựng mái taluy dọc theo tuyến đường ĐS3 và mương thoát nước mưa (kích thước cao 0,6-0,9m, rộng 0,4m) dưới chân taluy để thu gom nước mưa cho khu dân cư hiện trạng phía Bắc.

+ Nước thải sinh hoạt:

Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt tách riêng với nước mưa. Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn tại các hộ dân, được đầu nối vào các tuyến thu gom nước thải HDPE D150mm-D400mm dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 260 m<sup>3</sup>/ngày (đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật phía Đông Bắc dự án) để xử lý đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, sau đó thoát ra nhánh sông Trường Úc (Tọa độ 1529116; 604060).

Sơ đồ công nghệ xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Nhánh sông Trường Úc.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

- Nước thải sinh hoạt: sử dụng nhà vệ sinh di động.

- Nước mưa chảy tràn: chảy tràn trên bề mặt về các mương thu gom xung quanh mỏ và hồ lắng (đã xây dựng).

Quy trình thu gom, xử lý: Nước mưa chảy tràn → Mương thu gom xung quanh mỏ → Hồ lắng → Mương dẫn nước → Mương thoát nước hiện trạng phía Đông Dự án.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

- Giai đoạn thi công, xây dựng

+ Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, không để rơi vãi.

+ Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

+ Che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

+ Phun nước tưới đường thường xuyên trên công trường xây dựng với tần suất 2 lần/ngày.

- Giai đoạn hoạt động

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý bùn thải phát sinh theo đúng quy định.

+ Trồng dải cây xanh cách ly xung quanh khu đất xây dựng hệ thống xử lý nước thải.

+ Hệ thống xử lý nước thải được xây dựng kín và lắp đặt hệ thống xử lý mùi hôi bằng than hoạt tính.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

- Thường xuyên tưới nước trên tuyến đường vận chuyển đất từ khu vực mỏ đến công trình (đoạn qua khu dân cư) và tăng cường vào mùa nắng.

- Phủ bạt kín các phương tiện chuyên chở, không để rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước

- Giai đoạn thi công, xây dựng

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động: bố trí khu vực tập kết thiết bị thu gom rác thải sinh hoạt có diện tích 30 m<sup>2</sup> tại khu đất hạ tầng kỹ thuật phía Đông Bắc dự án (đảm bảo vệ sinh môi trường và có mái che). Hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý rác sinh hoạt và bùn thải phát sinh, đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

Bố trí 01 thùng lưu chứa rác sinh hoạt đặt tại khu vực lán trại để thu gom và xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

#### 4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

#### 4.5. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

a) Thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường với các nội dung sau:

| TT | Nội dung công việc                                | Khối lượng           | Kết quả đạt được                                                                                 | Thời gian thực hiện                                                                    |
|----|---------------------------------------------------|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Cắm biển báo nguy hiểm tại khu vực Dự án          | 06                   | Đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác                                                        | Trước khi tiến hành khai thác và giữ lại sau khi kết thúc khai thác.                   |
| 2  | San gạt lại mặt bằng dự án                        | 1.973m <sup>3</sup>  | Không tạo hố lồi lõm, tạo độ nghiêng về phía Đông, thuận lợi cho quá trình thoát nước trồng cây. | Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác tháng 11/2024. |
| 3  | San lấp mương thoát nước và hồ lắng               | 8.241                | Trả lại hiện trạng ban đầu.                                                                      | Triển khai và hoàn thành sau 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc khai thác tháng 11/2024. |
| 4  | Tháo dỡ nhà tạm, nhà vệ sinh di động              | 40                   |                                                                                                  |                                                                                        |
| 5  | Tháo dỡ cống thoát nước qua đường                 | 4,6                  |                                                                                                  |                                                                                        |
| 6  | Cải tạo, nâng cấp tuyến đường bê tông đến chân mỏ | 2.160 m <sup>3</sup> | Đảm bảo kết cấu tuyến đường phục vụ cho hoạt động vận chuyển.                                    |                                                                                        |
| 7  | Trồng rừng phục hồi môi trường                    | 1,56 ha              | Phủ xanh khu vực khai thác.                                                                      | Sau khi kết thúc khai thác tháng 11/2024.                                              |
| 8  | Đo vẽ bản đồ địa hình                             | 12,71 ha             | Giám sát độ sâu khai thác.                                                                       | Sau khi kết thúc quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.                               |

b) Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

Tổng kinh phí cải tạo phục hồi môi trường của mỏ (12,71 ha) là 1.481.654.000 đồng (Được phê duyệt theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng Khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch

sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (Bao gồm hoạt động khai thác đất tại mỏ QN05)). Đến nay, Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Định đã thực hiện việc ký quỹ toàn bộ số tiền 1.481.654.000 đồng vào Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh (Theo Giấy xác nhận số 204/GXN-QBVMT ngày 05/7/2021 và ngày 15/6/2022 của Quỹ Bảo vệ môi trường).

#### **4.6. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường**

4.6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ: lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.6.2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng đường ống thoát nước và hệ thống xử lý nước thải.

- Đối với sự cố trong hệ thống xử lý nước thải: sử dụng tín hiệu báo sự cố khi có sự cố xảy ra; thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nước thải trong thời gian khắc phục sự cố, đồng thời báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tuy Phước để phối hợp quản lý và hỗ trợ khi xảy ra sự cố.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Chủ dự án**

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

- + 01 vị trí tại khu vực tiếp giáp với khu dân cư hiện trạng phía Tây Bắc (KK1) (Tọa độ: 1.528.815; 603.542).

- + 01 vị trí tại khu dân cư hiện trạng phía Đông Bắc (KK2) (Tọa độ: 1.528.810; 604.198).

- Các chỉ tiêu giám sát: bụi, tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

b) Khai thác đất tại mỏ QN05

- Vị trí giám sát:
- + 01 vị trí tại khu vực gần nhà dân đầu đường vào khu vực mỏ đất QN05 (Tọa độ 1.517.284; 598.459).
- + 01 vị trí trên tuyến đường đê Đông (Tọa độ 1.528.435; 602.287).
- Các chỉ tiêu giám sát: bụi lơ lửng (TSP).
- Tần suất quan trắc: 06 tháng/lần.
- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, khối lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.
- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

## **6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường**

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.
- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.